

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;
2. Ông Phạm Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 757/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Mỹ Th, sinh năm 1989; thường trú: Tổ M, ấp H Th, xã V B N, huyện V Th, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 81/2, khu phố 1B, phường A Ph, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988; thường trú: Xã Tr X, huyện C Đ, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: Số 27/3, khu phố T H, phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Người làm chứng: Chị Lê Hồng Th, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố T H, phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Mỹ Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mỹ Th và anh Phạm Văn Đ có thời gian tìm hiểu khoản 04 năm thì tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Tr X, huyện C Đ (nay là huyện Th L), Thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013, quyển số I/2013 cấp ngày 03/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Th cùng sinh sống tại địa chỉ số 27/3, khu phố T H, phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chị Th và anh Đ sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2018, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Đ thường xuyên đánh đập chị Th, anh Đ nhậu nhẹt cờ bạc nợ nần không chí thú làm ăn, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay chị Lê Mỹ Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh Đ có 01 con chung tên Phạm Yến Nh, sinh ngày 10/4/2014. Sau khi ly hôn, chị Lê Mỹ Th yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Phạm Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lê Mỹ Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Lê Mỹ Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Văn Đ* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập bị đơn anh Phạm Văn Đ yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 23/8/2019 nhưng anh Đ vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/9/2019 nhưng anh Đ vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Vào các ngày 09/10/2019 và ngày 29/10/2019, Tòa án triệu tập anh Phạm Văn Đ tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không lý do.

- *Người làm chứng chị Lê Thị Thanh trình bày:* Chị Th là em ruột chị Th, chị Th biết được mâu thuẫn gia đình chị Th và anh Đ là do anh Đ thường xuyên đánh đập chị Th và nhậu nhẹt không chí thú làm ăn.

- *Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 08/8/2019 tại UBND phường T B, thị xã D A thể hiện:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Mỹ Th và anh Phạm Văn Đ, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ.

- *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị Lê Mỹ Th và anh Phạm Văn Đ tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Yên Nh, sinh ngày 10/4/2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh Đ đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của chị Th là có cơ sở. Và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và chị Th yêu cầu anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Mỹ Thanh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn Đ được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ 02 lần vào các ngày 09/10/2019 và ngày 29/10/2019 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mỹ Th và anh Phạm Văn Đ là vợ chồng, tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr X, huyện C Đ (nay là huyện Th L), Thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013, quyển số I/2013 cấp ngày 03/4/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Th xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Đ thường xuyên đánh đập chị Th, anh Đ nhậu nhẹt cờ bạc nợ nần không chí thú làm ăn, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, anh Đ cũng không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh Đ cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa anh với chị Th vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Th và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Lê Mỹ Th yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Mỹ Th và anh Phạm Văn Đ có 01 con chung tên Phạm Yên Nh, sinh ngày 10/4/2014. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Th yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cả chị Th và anh Đ đều là người có công việc ổn định nên điều kiện chăm sóc con là như nhau. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nh còn nhỏ và là con gái, chị Th đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đưa đón cháu Nh đi học hằng ngày đồng thời chị Th có chỗ ở và công việc ổn định. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn cần giao cháu Phạm Yên Nh cho chị Lê Mỹ Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Mỹ Th yêu cầu anh Phạm Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, xét thấy hiện nay anh Đ có việc làm ổn định, cháu Nh còn nhỏ đang độ tuổi đi học, không có tài sản để tự nuôi mình. Vì vậy, chị Lê Mỹ Th yêu cầu anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là chính đáng phù hợp với quy định tại các Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình, nên có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị Lê Mỹ Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Mỹ Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung điểm a theo khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83; 84, 107, 110, 117 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ Th đối với anh Phạm Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mỹ Th được ly hôn với anh Phạm Văn Đ (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2013, quyển số I/2013 do Ủy ban nhân dân xã Tr X, huyện C Đ (nay là huyện Th L), Thành phố Cần Thơ cấp ngày 03/4/2013).

Về con chung: Anh Phạm Văn Đ giao con chung tên Phạm Yến Nh, sinh ngày 10/4/2014 cho chị Lê Mỹ Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi Bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau ly hôn, anh Phạm Văn Đ có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Lê Mỹ Th không có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của

con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Mỹ Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Mỹ Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029020 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Tr X, huyện C Đ (nay là huyện Th L), Thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công

